

SỬ DỤNG ĐA MA TÚY TRONG NHÓM NAM SỬ DỤNG HEROIN TẠI 3 THÀNH PHỐ CỦA VIỆT NAM

Bùi Thị Minh Hào¹, Lùng Bích Ngọc¹, Nguyễn Thu Trang¹, Lê Minh Giang^{1,2}

¹Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo HIV/AIDS, trường Đại học Y Hà Nội.

²Bộ môn Dịch tễ học trường Đại học Y Hà Nội.

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Bên cạnh nỗ lực hạn chế tốc độ gia tăng tỷ lệ HIV trong nhóm nam sử dụng/tiêm chích heroin, chương trình phòng chống HIV Việt Nam đang gặp thách thức khi một số báo cáo gần đây cho thấy tình trạng sử dụng đồng thời heroin với các ma túy khác, đặc biệt là ma túy tổng hợp dạng amphetamine (ATS), trong nhóm này ngày càng tăng. Nghiên cứu này nhằm mục tiêu mô tả tỷ lệ và các hình thức sử dụng các loại ATS trong nhóm này tại Việt Nam.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu ngang trên 271 nam tuổi từ 18 – 45, sử dụng heroin trong 12 tháng qua bằng phương pháp chọn mẫu đối tượng giới thiệu đối tượng tại Hà Nội, Đà Nẵng, và Hồ Chí Minh năm 2011. Phân tích mô tả để xác định thực trạng sử dụng các ATS trong nhóm đối tượng này.

Kết quả: Tuổi trung bình của đối tượng là 29,7 (SD 6,8), trình độ học vấn chủ yếu là cấp 2 và cấp 3 (79,7%) 67,9% chưa kết hôn hoặc đã ly hôn. Đối tượng sử dụng heroin chủ yếu theo đường chích (88,6%), 10,2% dùng chung bơm kim tiêm trong 30 ngày qua; 9,6% biết mình nhiễm HIV. Phần lớn đối tượng đã từng (90,4%) và hiện đang (75,3%) sử dụng ATS, trong đó đã từng và hiện đang sử dụng hồng phiến là 28,8% & 14,8%, thuốc lắc 77,1% & 42,2%, và đá 80,1% & 64,8%. Mặc dù có sự tương đồng về tỷ lệ sử dụng lần đầu của hồng phiến, thuốc lắc và đá, nhưng sự khác biệt về cách sử dụng các loại ATS

này thể hiện trong hình thức sử dụng (hút/hít/uống/chích), địa điểm sử dụng (công cộng/giải trí/kín đáo), cũng như cách kết hợp sử dụng với các chất gây nghiện khác (rượu/heroin ...).

Kết luận: Các can thiệp phòng chống HIV cho người sử dụng/tiêm chích heroin cần quan tâm đến thực trạng và nguy cơ từ việc sử dụng đồng thời heroin với các ma túy khác.

Từ khóa: Ma túy tổng hợp dạng Amphetamine (ATS), đa ma túy, nam sử dụng/tiêm chích heroin, Việt Nam.

SUMMARY

Introduction: Beside the efforts to reduce HIV prevalence among male injection drug users, HIV prevention programs in Vietnam have faced with challenges when recent studies show that there is increasing use in both heroin and other illicit drugs, especially amphetamine-type stimulants (ATS). This study aims to describe that rate and different forms of ATS use among male injection drug users in Vietnam.

Method: A cross sectional study was conducted on 271 men aged 18-45 who used heroin in the past 12 months. Data was collected by snowballing in Hanoi, Da Nang, and Ho Chi Minh City in 2011. Descriptive analysis is used to understand the ATS use in this population.

Results: The mean age of participants was 29.7 (SD 6.8) with educational level mostly middle school or secondary school (79.7%) and marital status of single or divorced (67.9%). The participants consumed heroin comprising the most commonly injecting drug (68.6%); 10% shared needles in the past 30 days; 9.6% knew that they were HIV infected. The majority already used (90.4%) and are using (75.3%) ATS, in which already used and are using amphetamines (hồng phiến), ecstasy (thuốc lắc), and ice crystal (đá) as followed 28.8% and 14.8%, 77.1% and 42.2%, 80.1% and 64.8%. Despite the similar reasons for using amphetamines, ecstasy, and ice crystal, the differences of using these ATS appeared in the drug administrations (smoking, inhaling, drinking, injecting), locations (public, entertaining places, private), and ATS used in combination with other substances (alcohol, heroin...).

Conclusion: HIV prevention and intervention programs should pay close attention to the situations and risks of using these drugs simultaneously.

Keywords: Amphetamine-type stimulant (ATS), multi drug, Vietnam, male injection drug users, Vietnam.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Người sử dụng/ tiêm chích ma túy tại Việt Nam vẫn là đối tượng có nguy cơ lây nhiễm HIV và các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STDs) cao nhất. Mặc dù những nỗ lực can thiệp tích cực trong những năm gần đây đã mang lại kết quả khi tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm này đã giảm 3% so với năm 2010 [1,2], sự kết hợp giữa HIV/AIDS và ma túy đã khiến nhóm này gặp rất nhiều thách thức. Thêm vào đó, việc sử dụng đồng thời heroin và các loại ma túy khác trong nhóm người sử dụng heroin cũng bắt đầu phổ biến trong những năm gần đây. Năm 2004, một nghiên cứu quy mô lớn trên 1175 nam thanh niên sử dụng ma túy tại Hà Nội đã phát hiện nhiều đối tượng sử dụng hiện đang heroin có dùng thêm nhiều loại ma túy khác. Tương tự như vậy, các vòng điều tra IBBS đều phát hiện và khẳng định việc sử dụng nhiều loại ma túy khác bên cạnh heroin của nhóm đối tượng này. Tuy nhiên, các nghiên cứu này thường chỉ quan tâm đến các nguy cơ do hành vi sử dụng heroin hoặc tình dục, do đó, các thông tin liên quan đến việc sử dụng các loại ma túy khác trong nhóm này chỉ dừng lại ở tỷ lệ đã báo cáo đã từng sử dụng, mà chưa có được các thông tin cụ thể của thực trạng này. Vì vậy, năm 2010 – 2011, Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo HIV/AIDS với sự hỗ trợ của UNODC đã triển khai một nghiên cứu về tình hình sử dụng các loại ma túy tổng hợp dạng amphetamine trong nhóm những người hiện đang sử dụng heroin tại 3 thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh, với các mục tiêu sau:

Mô tả thực trạng sử dụng các loại ma túy tổng hợp dạng amphetamine trong nhóm nam hiện đang sử dụng heroine tại Việt Nam.

Mô tả đặc điểm sử dụng các loại ma túy tổng hợp trong nhóm nam hiện đang sử dụng heroine tại Việt Nam.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu:

Nam giới từ 18 – 45 tuổi, có sử dụng heroin trong thời gian 01 năm qua tự nguyện tham gia nghiên cứu.

Thời gian nghiên cứu: Tháng 12/2010 đến tháng 5/2011.

Địa điểm nghiên cứu: Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh.

Cỡ mẫu nghiên cứu: Tổng số đối tượng tham gia nghiên cứu là 271, trong đó lần lượt tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng là 100, 101 và 70 đối tượng.

Phương pháp nghiên cứu và chọn mẫu: Điều tra cắt ngang sử dụng phương pháp đối tượng giới thiệu đối tượng cho đến khi đạt đủ cỡ mẫu cần thiết.

Đạo đức nghiên cứu

Đề cương nghiên cứu đã được hội đồng đạo đức trường ĐHYHN thông qua.

Sự tham gia nghiên cứu của đối tượng là tự nguyện và vô danh.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

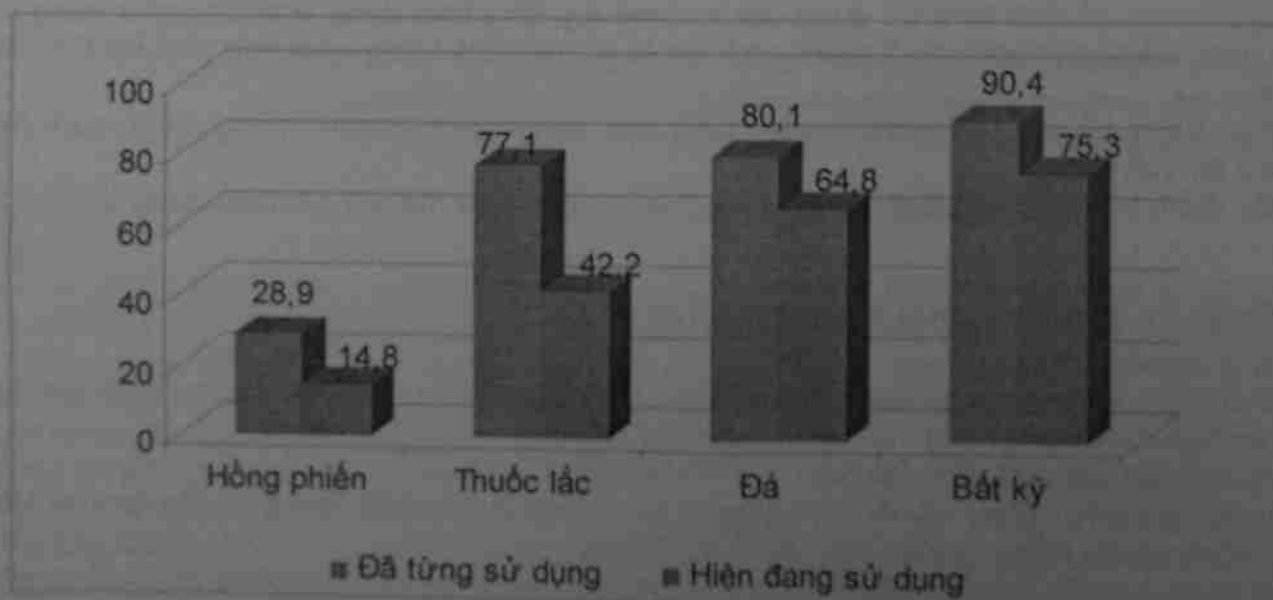
Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu

Thông tin chung	Chung (N = 271)	ATS (-) (N = 67)	ATS (+) (N = 204)	P
	TB ± SD	TB ± SD	TB ± SD	
	%	%	%	
Tuổi trung bình	29,7 ± 6,8	32,1 ± 6,7	29,0 ± 6,6	< 0,01
Trình độ học vấn				
Mù chữ và cấp 1	16,6	19,4	15,7	> 0,05
Cấp 2	41,3	38,8	42,2	
Cấp 3	38,4	40,3	37,7	
Trên cấp 3	3,7	1,5	4,4	
Tình trạng hôn nhân				
Độc thân	54,6	43,3	58,3	> 0,05
Sống với bạn tình	10,3	10,5	10,3	
Kết hôn	21,8	29,8	19,1	
Ly dị/ly thân/góa	13,6	16,4	12,3	
Tình trạng công việc				
Không đi làm	19,9	14,9	21,6	> 0,05
Làm tại cơ quan/ tổ chức	15,5	17,9	14,7	
Làm tự do	58,3	58,2	58,3	
Khác	6,3	9,0	5,4	
Thu nhập hiện tại				
Không có thu nhập	13,3	7,5	31	> 0,05
Dưới 2 triệu	18,4	11,9	42	
2 – 3 triệu	27,3	26,9	56	
3 – 5 triệu	29,2	40,3	52	
Trên 5 triệu	11,8	13,4	17	
Hiện đang tiêm chích heroine	68,6	67,2	69,1	> 0,05
Dùng chung BKT 30 ngày qua (trong nhóm tiêm chích)	10,2	11,1	9,9	> 0,05
Biết mình đã nhiễm HIV	9,6	11,9	8,8	> 0,05

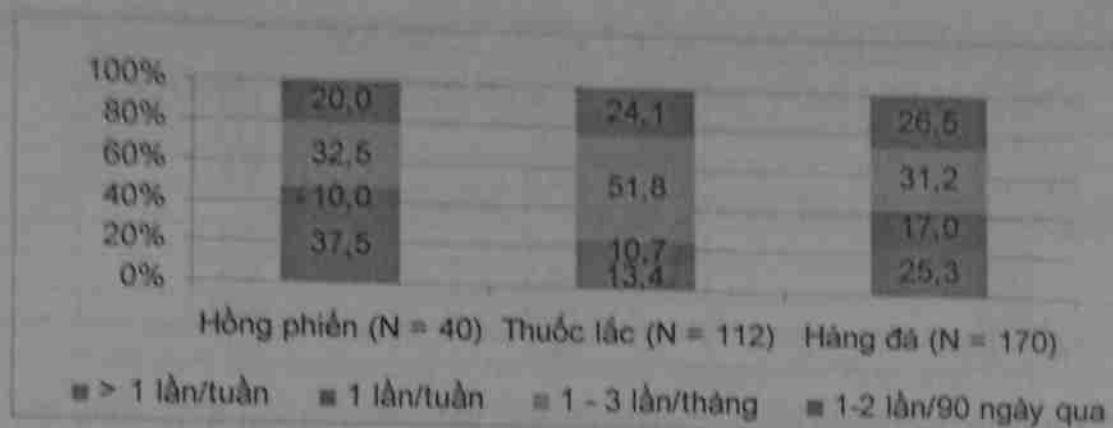
Nhận xét: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm đối tượng, trong đó nhóm sử dụng ATS (29,7) trẻ hơn so với nhóm không sử dụng ATS (32,1). Phần lớn đối tượng có trình độ học vấn cấp 2 & 3, sống độc thân, thu nhập chủ yếu từ lao động tự do và không có sự khác biệt giữa hai nhóm sử dụng và không sử dụng ATS. Có sự khác biệt trong thu nhập giữa hai nhóm, trong đó nhóm sử dụng ATS có thu nhập cao hơn (17,0% so với 13,4%), tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê. Tỷ lệ đối tượng hiện đang tiêm chích heroine (68,6%) cao, trong đó 10,2% dùng chung bơm kim tiêm khi tiêm chích ma túy 30 ngày qua, đáng chú ý là gần 10% đối tượng biết mình đã nhiễm HIV.

Thực trạng sử dụng các chất ma túy tổng hợp dạng amphetamine trong nhóm nam sử dụng ma túy tại Việt Nam



Biểu đồ 1: Tỷ lệ sử dụng các ma túy tổng hợp dạng amphetamine

Nhận xét: 90,4% đối tượng đã từng sử dụng và 75,3% hiện đang sử dụng một trong các loại ATS. Trong đó, đá được sử dụng phổ biến nhất với 80,1% đã từng sử dụng và gần 65% hiện đang sử dụng, các tỷ lệ này với thuốc lắc là 77,1% và 42,2%; hồng phiến là 28,9% và 14,8%.



Biểu đồ 2: Tần suất sử dụng các loại ATS trong 90 ngày qua

Nhận xét: Tần suất sử dụng hồng phiến trong 90 ngày qua là cao nhất với 37,5% đối tượng báo cáo sử dụng một vài lần/tuần. Hơn một nửa đối tượng sử dụng thuốc lắc với tần suất một vài lần/tháng (51,8%). Tần suất sử dụng hàng đá cao nhất ở mức độ một vài lần/tháng (31,2%) và thấp nhất ở mức độ một lần/tuần (17,0%).

Đặc điểm sử dụng các chất ma túy tổng hợp dạng amphetamine trong nhóm nam sử dụng ma túy tại Việt Nam

Bảng 2: Đặc điểm lần sử dụng ATS lần đầu tiên

	Hồng phiến (n = 78)	Thuốc lắc (n = 209)	Hàng đá (n = 217)
	TB ± SD	TB ± SD	TB ± SD
	%	%	%
Tuổi sử dụng lần đầu tiên	24,9 ± 5,8	24,7 ± 6,1	26,9 ± 6,6
Địa điểm sử dụng lần đầu tiên			
Nhà riêng	30,8	1,0	11,5
Nhà của bạn bè/ bạn tình	17,9	2,4	12,0
Bar, Sàn nhảy	14,1	83,3	8,3
Khách sạn/ Nhà nghỉ	30,8	12,4	62,7
Khác	6,4	1,0	5,5
Lý do sử dụng lần đầu tiên			
Tò mò, muốn biết tác dụng	71,8	74,6	71,9
Muốn phê	18,0	7,7	8,8
Bạn bè rủ sử dụng	62,8	66,5	64,1
Bạn tình rủ sử dụng	2,56	1,4	2,8
Người bán ATS rủ sử dụng	1,3	1,9	0,9
Khác	1,3	74,6	2,3
Các chất sử dụng cùng ATS trong lần sử dụng đầu tiên			
Không sử dụng chất nào khác	25,6	27,8	63,1
Rượu	11,5	61,7	10,1
Heroin	57,7	4,3	11,5
Các chất khác	7,7	11,0	15,7

Nhận xét: Độ tuổi lần đầu tiên sử dụng không có sự khác biệt nhiều giữa các loại ma túy tổng hợp dạng amphetamine. Tuổi sử dụng hồng phiến và thuốc lắc lần đầu là 25 (SD = 6) và hàng đá là 27 tuổi (SD = 7). Địa điểm sử dụng các loại ATS khá khác nhau. Hồng phiến chủ yếu được sử dụng tại nhà riêng hoặc khách sạn, nhà nghỉ trong khi đó có đến 83,3% đối tượng sử dụng thuốc lắc tại các quán bar, sàn nhảy. 62,7% đối tượng sử dụng hàng đá tại khách sạn, nhà nghỉ.

Hai lý do chủ yếu của việc sử dụng ATS là tò mò (trên 70%) và do được bạn bè khuyến khích rủ rê (trên 60%). 57,7% đối tượng sử dụng hồng phiến lần đầu tiên cũng heroin trong khi thuốc lắc được sử dụng chủ yếu cùng với rượu (61,7%) và hàng đá được sử dụng gần như độc lập với 63,1% đối tượng không sử dụng chất nào khác trong lần đầu sử dụng đá.

Bảng 3: Các hình thức sử dụng ATS theo thời gian

Các cách sử dụng ATS	Hồng phiến (n = 78)	Thuốc lắc (n = 209)	Hàng đá (n = 217)
	%	%	%
Lần sử dụng ATS đầu tiên			
Hút	62,8	78,5	71,9
Hit	21,8	14,4	18,6
Uống	14,1	7,2	10,6
Tiêm chích	1,3	0,0	0,9

Các lần sử dụng ATS tiếp theo			
Hút	5,1	0,0	20,3
Hit	2,0	0,0	0,5
Uống	2,6	23,4	0,0
Tiêm chích	18,0	0,0	1,4
Trong 90 ngày qua			
Hút	45,0	3,5	93,8
Hit	10,0	0,0	3,4
Uống	15,0	90,8	2,9
Tiêm chích	32,5	0,9	1,1

Nhận xét: Có sự khác biệt trong cách sử dụng lần đầu tiên với từng loại ATS, cũng như trong các lần sử dụng tiếp theo, đặc biệt là với hồng phiến và thuốc lắc. Hút là lựa chọn phổ biến đối với cả 3 loại ATS trong lần sử dụng đầu tiên và tiếp tục được duy trì trong sử dụng tiếp theo đối với hàng đá. Tỷ lệ đối tượng chuyển sang chích hồng phiến tăng dần trong các lần sử dụng tiếp theo. Có sự khác biệt trong hình thức sử dụng các loại ATS trong 90 ngày qua: hàng đá chủ yếu là hút (93,7%), thuốc lắc là đường uống (90,8%), hồng phiến là hút (45,0%) và tiêm chích (32,5%).

BÀN LUẬN

Đối tượng sử dụng ATS còn khá trẻ, đặc biệt đối tượng hiện đang sử dụng ATS trẻ hơn hẳn so với nhóm đối tượng không sử dụng ATS với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy xu hướng sử dụng đồng thời heroin với ATS là phổ biến trong nhóm người sử dụng heroin trẻ tuổi. Tuổi trung bình của các đối tượng tham gia nghiên cứu này cũng tương đồng với một số nghiên cứu khác về tình hình sử dụng các chất gây nghiện [2,3]. Đây cũng là lứa tuổi có nhu cầu tình dục cao và hoạt động tình dục mạnh mẽ, do đó sẽ dễ có các hành vi nguy cơ liên quan đến tình dục hơn nếu sử dụng đồng thời nhiều loại ma túy [3].

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy tình trạng phổ biến của việc sử dụng đồng thời nhiều loại ma túy trong một thời điểm, với 69% đối tượng sử dụng ATS cũng với hành vi tiêm chích heroin. Mặc dù tỷ lệ đã từng sử dụng thuốc lắc và đá không có sự khác biệt nhiều (77% và 80%), nhưng tỷ lệ hiện đang sử dụng lại có sự chênh lệch khá lớn. 64,8% đối tượng cho biết hiện đang sử dụng đá, trong khi chỉ có 42,2% sử dụng thuốc lắc và 14,8% sử dụng hồng phiến. Điều này phản ánh những thay đổi hiện nay trong xu hướng sử dụng các loại ATS, trong đó ma túy đá đang ngày càng trở thành trào lưu mới của giới trẻ. Xu hướng giảm sử dụng thuốc lắc và tăng sử dụng hàng đá cũng tương đồng với xu thế chung của một số nước châu Á hiện nay [4].

Tuy lý do sử dụng của các loại ATS khá tương đồng nhưng hình thức sử dụng và địa điểm sử dụng các loại ma túy tổng hợp dạng amphetamine có sự khác biệt khá lớn. Hồng phiến và hàng đá chủ yếu được sử dụng qua đường hút (45,0% và 93,8%) và chủ yếu ở khách sạn, nhà nghỉ trong khi thuốc lắc chủ yếu được uống (90,8%) tại các quán bar hay sân nhảy. Hình thức sử dụng ATS chủ yếu bằng uống hoặc hút tuy không trực tiếp liên quan đến nguy cơ lây nhiễm HIV như hình thức tiêm chích ma túy nhưng có thể gián tiếp làm tăng tỷ lệ nhiễm HIV do các loại ATS này thường được sử dụng trong bối cảnh tình dục [5].

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết luận

Tỷ lệ sử dụng đồng thời các ma túy khác, đặc biệt là ATS, trong nhóm nam sử dụng heroine rất cao. Có sự khác biệt trong cách lựa chọn hình thức và địa điểm sử dụng đối với từng loại ATS của đối tượng nghiên cứu.

Khuyến nghị

Các can thiệp cho đối tượng sử dụng heroin cần quan tâm đến thực trạng và nguy cơ từ việc sử dụng đồng thời heroin với các ma túy khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2012). Báo cáo tình hình nhiễm HIV/AIDS và hoạt động phòng, chống HIV/AIDS năm 2011, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2012. Trang 73.
2. IBBS 2009. Results from the HIV/STI integrated biological and behavioral surveillance (IBBS) in Vietnam, round II — 2009.
3. Ms Huệ (2010). Tình hình sử dụng cùng lúc nhiều loại chất gây nghiện ở đối tượng tiêm chích ma túy tại TPHCM. Tạp chí Y học thực hành số 742 + 743, trang 245 – 251.
4. UNODC (2012). Patterns and Trends of Amphetamine-Type Stimulants and Other Drugs: Asia and the Pacific. 2012a
5. Colfax G, Santos GM, Chu P, Vittinghoff E, Pluddemann A, Kumar S, Hart C. Amphetamine-group substances and HIV. Lancet. 2010 Aug 7; 376(9739):458-7